

ĐẶC ĐIỂM KIỂU TRUYỆN GIÁO HUẤN TRONG LAN TRÌ KIẾN VĂN LỤC CỦA VŨ TRINH

Nguyễn Thị Việt Hằng¹, Đỗ Linh Chi², Nguyễn Phương Anh²,
Dương Thị Thu Hiền², Nguyễn Minh Quang², Đỗ Thị Hương Trà²

Tóm tắt: Bài báo trình bày lý thuyết về kiểu truyện giáo huấn trong tương quan với phương thức ngụ ngôn, đặc biệt là thể loại truyện ngụ ngôn trong văn học. Trên cơ sở đó, chúng tôi đi vào khảo sát, xác định những thiên truyện có mục đích răn dạy đạo đức, luân lý, nhân cách, lối ứng xử,... trong *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh, phân tích và chỉ ra những đặc điểm cơ bản trên phương diện nội dung và nghệ thuật của chúng.

Từ khóa: giáo huấn, ngụ ngôn, truyện truyền kì, *Lan Trì kiến văn lục*, Vũ Trinh

1. MỞ ĐẦU

Trong văn học Việt Nam trung đại, mục đích chuyển tải nội dung giáo huấn luôn được người cầm bút coi trọng. Từ điều lớn lao như: “trung quân ái quốc”, “tiên ưu hậu lạc”,... đến luân lý đời thường như: lối sống, ứng xử, nhân cách,... đều được các tác giả chủ động đưa vào văn chương để răn dạy, khuyên bảo người đời học tập, trau dồi theo chuẩn mực đạo đức, tránh xa những điều sai trái. Với ý nghĩa như vậy, Vũ Trinh viết *Lan Trì kiến văn lục* đã dành một dung lượng nhất định cho mục đích giáo huấn ấy.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thuật ngữ

Chúng tôi dùng thuật ngữ kiểu truyện giáo huấn để chỉ những truyện ngắn nằm trong tác phẩm truyện truyền kì gồm nhiều thiên của văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại, trong đó, các thiên ở *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh là những tiêu biểu. Kiểu truyện này thường có cấu trúc ngắn gọn, cô đúc, xây dựng một hoặc một vài tình tiết, sự kiện về cuộc sống, hành xử của loài vật, sự vật hoặc con người, hay loài vật, sự vật trong mối liên hệ với đời sống con người, nhằm mục đích răn dạy các bài học đạo đức, luân lý, ứng xử xã hội,... Xét về nội dung hay hình thức nghệ thuật, kiểu truyện giáo huấn có mẫu số chung với phương thức ngụ ngôn, đặc biệt là truyện ngụ ngôn, nó thông qua “ngôn” (văn bản văn học) để “ngụ” những bài học giáo huấn. Nguyễn Việt Hùng nhận định: “Dù có những góc nhìn khác nhau, quan niệm rộng hẹp thì những hằng số của truyện ngụ ngôn là nội dung đạo đức (moral), các lời bình luận của tác giả (commentary), nhân vật có tính chất

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

² Sinh viên K47, Khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP Hà Nội 2

ẩn dụ (characters). Chức năng của thể loại ngụ ngôn ra đời nhằm xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội, có thể tạo nên cảm xúc của con người về xã hội, về đạo lý, niềm tin vào sự thật và ở góc độ nào đó có thể phê phán ngấm với xã hội” [2, tr.64–65]. Kiểu truyện giáo huấn cũng mang những đặc điểm tương tự.

2.2. Khảo sát kiểu truyện giáo huấn trong “Lan Trì kiến văn lục”

Ngô Thì Hoàng viết tựa cho *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh rằng: “Tâm lòng ưu thời, mẫn thế, ý tưởng giữ gìn truyền thống, sửa sang phong tục của ông luôn luôn thể hiện ở lời văn. Có nói đến việc quái dị, nhưng không thoát li đạo thường, có kể về điều biến hóa, nhưng không mất đi lẽ chính, đại để là ngụ ý khuyên răn và cảnh cáo sâu sa, để người xem sau này thấy điều hay thì bắt chước, thấy điều dở thì phòng ngừa, thực có ích rất nhiều cho thể giáo, làm sao có thể coi là loại dã sử của các vị quan xoàng” [7, tr.12]. Điều đó cho thấy, mục tiêu giáo huấn của tác giả được gửi gắm đầy ý tứ trong cả tập truyện, song số truyện trực tiếp đưa ra vấn đề giáo huấn để có thể xếp vào một kiểu truyện mang đặc tính tương tự ngụ ngôn lại chiếm tỉ lệ không lớn. Đi vào khảo sát, chúng tôi nhận thấy có một số thiên kể về thể giới loài vật trong mối quan hệ với con người nhằm mục đích giáo huấn, bao gồm: *Nghĩa hổ* (Con hổ có nghĩa), *Nhân hổ* (Con hổ nhân đức), *Hiệp hổ* (Con hổ hào hiệp), *Hùng hổ đấu* (Gấu hổ chọi nhau), *Linh xà* (Rắn thiêng). Tổng số truyện giáo huấn là 5/45, tương ứng tỉ lệ: 11,1%.

2.3. Một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật kiểu truyện giáo huấn trong “Lan Trì kiến văn lục”

2.3.1. Nội dung giáo huấn

Nội dung các truyện giáo huấn của Vũ Trinh đều nhuốm màu ngụ ngôn, mang tính phóng dụ rõ nét, tuy nhiên, sự hóm hỉnh của ngụ ngôn thông qua thể giới loài vật không xuất hiện, thay vào đó là cảm giác chân thật của đời sống. Đại thể, các truyện tập trung hướng tới những bài học về đạo đức, lối sống, cách hành xử tử tế, hướng thiện cho con người. Truyện *Nghĩa hổ* (Con hổ có nghĩa) và *Nhân hổ* (Con hổ nhân đức) cùng giáo huấn về ân nghĩa. Nhân vật hổ mặc dù là loài vật nhưng hành xử như một con người tử tế, biết trả ơn người cứu giúp mình bằng tất cả sự hàm ơn, trân trọng, quan tâm. Truyện *Nghĩa hổ* gồm hai mẫu chuyện, một kể về con hổ đực đến tận nhà bà đỡ Trần, đưa bà vào rừng nhờ giúp hổ cái qua được cơn sinh khó, sau đó nó tặng bà khối bạc, đưa bà trở về nhà và chia tay đầy lưu luyến; một kể về con hổ bị hóc xương, được bác tiều phu cứu, sau đó nó đều đặn mang các con thú đến nhà bác tạ ơn và đặc biệt tỏ ra nặng tình trước cái chết của bác. Khác với *Nghĩa hổ*, kẻ chịu ơn trong truyện *Nhân hổ* là con người. Truyện kể về một con hổ bị bắt nhốt, chuẩn bị cho lễ tế trong Phủ Chúa, bỗng có người đàn ông mang lễ đến trước nó khóc và lạy. Mọi người hỏi ra thì biết, anh ta là người chuyên đi gánh hàng

thuê qua rừng, một đêm, anh trèo lên cây nằm nghỉ thì thấy có con hổ ở dưới gốc gầm gào, anh van xin nó tha chết và được nó bảo vệ an toàn tính mạng suốt đêm đó, giờ anh nhận ra nó nhưng không thể cứu, chỉ có thể sửa chút lễ “bày tỏ lòng thành”, nhìn nó “ứa nước mắt”, khấn đầu lay tạ rồi đi. Truyện gây ấn tượng bởi cái kết quá bi ai cho con hổ tốt, bên cạnh đó là sự cảm động về ân tình và sự hàm ơn sâu sắc của người lái buôn đối với nó. Không chỉ vậy, chính tác giả còn nhấn mạnh hơn nữa một khía cạnh giáo huấn khác bên cạnh sự nhân ái, đó là việc ông cảnh báo đám quan lại vô lương tâm phải biết “hổ thẹn” trước nhân tính của con hổ này: “Hổ là loài ác thú mà còn biết nghe tiếng van xin ai oán của con người. So với bọn ngồi ghế cao giữa chốn công đường, róc xương hút tủy sinh dân, nghe tiếng kêu oan thảm thiết dưới nhà thì bỏ ngoài tai, mất hết lương tâm, ắt phải hổ thẹn với con hổ này. Ước gì có phép thả con hổ này ra, và xin mời những ông quan ấy vào rọ”.

Cũng lựa chọn nhân vật là loài hổ, ẩn dụ cho những nhân cách tốt đẹp, *Hiệp hổ* là một câu chuyện giáo huấn đậm chất hiện thực. Tác giả kể về một tên vô lại họ Hoàng. Vợ mất, hắn vì mê một người đàn bà góa mà không từ cả việc giết chính con đẻ của mình để mong lấy được cô ta. Việc bại lộ, bị quan bắt, hắn lo lót thoát tội. Nhưng mọi việc xấu xa của hắn đều bị một con hổ theo dõi và ra tay trừng trị. Hắn âm mưu giết con thì hổ cứu đứa trẻ, hắn lo lót thoát án thì hổ bắt hắn, mang vào rừng xé xác. Truyện có cái kết hả lòng hả dạ hết như cổ tích, từ đó bật lên bài học về việc “gieo nhân nào gặt quả nấy”, ở ác phải trả giá. Vũ Trinh còn nhấn mạnh thêm một lần nữa về sự hào hiệp, thể hiện ước mong cái ác bị diệt trừ ở lời bình: “Nhân đức thay! Nghĩa khí thay, oanh liệt thay, vị chúa sơn lâm này!... Làm sao có được vài nghìn vị chúa sơn lâm này để vì nhân gian trừ diệt hết mọi chuyện bất bình”.

Có thể thấy, mỗi câu chuyện giáo huấn trong *Lan Trì kiến văn lục* là một bài học sâu sắc, ai đọc cũng có thể dễ dàng nhận ra đâu là lẽ phải, đạo đức,... cần học tập, đâu là sai trái, vô luân,... để tránh xa. Truyện *Linh xà* (Rắn thiêng) làm nổi bật một kiểu nhân cách hợm hĩnh, nhỏ nhen, xấu xa, qua đó dạy bài học về cách làm người tử tế. Truyện kể về viên thuộc lại của một vị quan ở Thanh Hóa, anh ta có việc phải “mang trát đi đòi người bị kiện”, dọc đường trên núi, anh bị một con rắn nằm chắn ngang, “đầu ngóc lên, phun phì phì”, anh biết là thần liền đưa trát cho nó xem, nhưng nó không có ý định tránh đi, bực mình, anh rút kiếm ra dọa, nó hoảng sợ bỏ chạy. Đến đêm, anh nằm ngủ nhờ trong một ngôi miếu thì nghe thấy vị thần rắn ấy quay lại, lên tiếng đòi bắt mình trị tội, anh nghĩ “phen này chắc chết”, nhưng may mắn, nhờ thần miếu ra mặt phân tích, khuyên bảo nên vị thần rắn bỏ đi và anh thoát chết trong gang tấc. Tác giả chú trọng xây dựng sự chuyển biến trong cách hành xử của vị thần từ chỗ cậy thế dọa nạt, rồi hèn nhát bỏ chạy, sau đó quay lại ra oai với kẻ yếu thế, đến chỗ lạng lẽ bỏ đi vì nhận ra bài học mang tính

chân lí về đạo làm người, khiến cho mục đích răn dạy, giáo huấn vốn dĩ khô khan được đưa ra trở nên thú vị, hấp dẫn.

So với các thiên trên, tính chất truyện *Hùng hổ đấu* (Gấu hổ chọi nhau) khác biệt hẳn. Các con vật không được nhân hóa hay kì ảo hóa mà nguyên phiên là loài vật với chính đặc tính bản chất của chúng. Truyện kể về một người dân miền núi thường vào rừng đốn củi, phải ngủ đêm ở rừng hàng tuần liền. Một tối, anh ta úp thuyền lên người rồi đốt lửa sưởi ấm để ngủ, nửa đêm tỉnh dậy thấy có con hổ và con gấu ngồi quay lưng vào nhau bên đống lửa ấy, anh ta liền “cời cục than to, dí vào lưng hổ”, hổ tưởng gấu dí than vào mình nên xông vào cắn cổ gấu, gấu cũng dùng vuốt cào bụng hổ, hai con cắn xé nhau đến chết. Thông qua câu chuyện tưởng như bình thường mà ý nghĩa lại rất thâm sâu, tác giả mượn loài vật để dạy bài học về tính cẩn trọng trong nhìn nhận sự việc, đồng thời cũng đề cao sự thông minh, nhanh trí trong những tình huống khó khăn của con người.

Nhìn chung, kiểu truyện giáo huấn của Vũ Trinh mang tính chất ngụ ngôn rõ nét, với cơ chế phúng dụ dễ nắm bắt, hàm ý khen chê rõ ràng. Các thiên truyện đều đặt mục tiêu giáo dục cụ thể về đạo đức, luân lí, cách hành xử,... hướng con người tới nếp sống thiện lương, trong sạch và nhân văn.

2.3.2. Nghệ thuật kiểu truyện giáo huấn

Ra đời ở giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX, khi truyện truyền kì có xu hướng gia tăng hiện thực nhiều hơn và giảm bớt đi sự huyền ảo, bay bổng của yếu tố “kì ảo”, các thiên truyện giáo huấn của Vũ Trinh trong *Lan Trì kiến văn lục* thể hiện rõ đặc điểm ấy. Ngay nhan đề tác phẩm, ông nhấn mạnh tính chất “kiến văn lục”, tức là ghi chép lại những gì đã được chứng kiến, đồng thời cũng chú trọng thể hiện lí lịch có thật của nhân vật và câu chuyện hơn. Các thông tin gây ấn tượng thực đều được thể hiện ở phần giới thiệu và đôi khi kết thúc thiên truyện lại nhấn mạnh thêm về sự tin cậy của nó. Hai mẫu truyện trong *Nghĩa hổ* cho người đọc biết về gốc gác của bà đỡ Trần là “người huyện Đông Triều”, còn bác tiều phu là “ở huyện Lạng Giang”; Truyện *Hiệp hổ* mở đầu bằng danh tính thực: “Huyện Bảo Lộc có anh nông dân họ Hoàng”, cuối truyện chú rõ: “Việc này xảy ra vào năm Canh Tuất. Em họ tôi là Trần Danh Lưu đi Lạng Sơn được nghe kể lại”; Truyện *Nhân hổ* bắt đầu bằng sự kiện “dịp tế lớn ở phủ Chúa” và việc “trần Thái Nguyên đưa tới một con hổ cái rất lớn”; Truyện *Hùng hổ giao đấu* ghi cụ thể địa danh, họ tên và nghề nghiệp của nhân vật: “Người dân miền núi huyện Lục Ngạn là Nguyễn Mỗ, làm nghề đốn gỗ”; Truyện *Linh xà* xác thực gốc tích: “Năm Giáp thân niên hiệu Cảnh Hưng, ông ngoại tôi là cụ Trần Trung Lượng làm tham chính Thanh Hóa”, sau đó mới đi vào kể về viên thuộc lại của ông ngoại trong câu chuyện đối mặt với một vị thần mang lột rắn. Nguyễn Đăng Na nhận định: “Sự “canh tân” truyền kì của các tác gia thế kỉ XVIII – XIX trên quan điểm hiện thực là một tiến bộ, nhưng dưới góc độ nghệ thuật thì nó là bước thụt lùi.

Bởi lẽ, càng trung thành với nguyên mẫu ngoài đời bao nhiêu, đôi cánh của truyện kì càng bị vật trụi bấy nhiêu” [4, tr.29]. Nhận xét này đúng với những câu chuyện tình yêu, tình đời vốn là nội dung chủ đạo của truyện truyền kì, song đối với kiểu truyện giáo huấn nói chung và truyện của Vũ Trinh nói riêng, cách xử lí mối quan hệ “kì – thực” thiên về yếu tố “thực” hơn lại tỏ ra phù hợp với mục đích “ngụ ngôn”, khiến nó đời hơn, dễ đạt được mục đích răn dạy hơn. Ở khía cạnh này, truyện của Vũ Trinh cũng có đặc tính tương tự như: *Văn thư lục* (Bức thư của con muỗi), *Thiền thờ miêu duệ kí* (Dòng dõi nhà thiền thờ), *Vũ môn tùng tiếu* (Trận cười ở núi Vũ Môn),... trong *Thánh Tông di thảo* (?). Điều đó cho thấy, có vẻ như quan niệm về yếu tố “kì” trong những thiên truyện giáo huấn thời trung đại tương đối nhất quán ở các tác giả, nó không chỉ là ma mị, huyền ảo mà gồm cả “chuyện lạ”, “quái dị”, “quái đản”, “khác thường” mà chính bạn bè, học trò của Vũ Trinh đã nhấn mạnh trong lời tựa *Lan Trì kiến văn lục*.

Đi vào khảo sát năm truyện có thể thấy, ở *Nghĩa hổ*, *Hiệp hổ* yếu tố “kì” chỉ mang tính chất kì lạ, khác thường, không có yếu tố ma mị, huyền ảo. Các con vật là hiện thân của những đức tính vốn chỉ có ở con người, do vậy, một mặt không cần thiết phải đưa thêm những yếu tố tâm linh, ma quái, mặt khác, nó cũng có tác dụng gợi lên những xúc động chân thật, khiến bài học giáo huấn trở nên thuyết phục hơn. Truyện *Hùng hổ đấu* đơn giản chỉ là mẫu chuyện nhỏ mang tính li kì về hai con vật mắc mưu sự thông minh, nhanh trí của anh đồn củi, lao vào đánh nhau mà chết, qua đó dạy bài học về sự “cả giận mất khôn”, không xem xét thấu đáo sự việc cho con người. Ngược lại, *Nhân hổ* và *Linh xà* chính là những thiên truyện truyền kì đúng nghĩa huyền ảo, linh dị, tuy nhiên mức độ thể hiện sự kì ảo lại khác nhau. Truyện *Nhân hổ* có duy nhất chi tiết thể hiện yếu tố kì ảo, đó là người đi gánh hàng thuê nghe được con hổ nói chuyện, thấy nó “rõ ràng là người đàn bà đội khăn trắng, mặc quần màu đỏ sẫm”. Hình ảnh con hổ trong bóng dáng người đàn bà hết mình bảo vệ một kẻ xa lạ, về sau bị mang đi tế lễ gợi cảm giác xót xa cho kết cục bi đát, đồng thời thể hiện rõ nghĩa tình giữa người được cứu và ân nhân là con hổ có gốc gác con người ấy. Truyện *Linh xà* đậm màu sắc kì ảo hơn. Con rắn nằm chắn đường viên thuộc lại thực chất là một vị thần, anh rút kiếm dọa thì nó sợ bỏ chạy, nhưng đêm đến khi anh đang ngủ nhờ ở miếu thì “mơ màng nghe thấy tiếng xe ngựa ồn ào, thấy trên thần tọa có một vị mặc áo bào, đội mũ”, đồng thời nghe được cuộc đối đáp, vị thần rắn đòi bắt anh ta “trị tội” còn vị thần miếu đưa ra lời phân định phải trái khiến thần rắn hiểu ra và bỏ đi. Ở đây, cái “kì” và “thực” được phối hợp nhuần nhuyễn khiến truyện trở nên vừa rất thật lại vừa có nét hấp dẫn, ma mị, theo đúng tính chất “truyện kì” của thể loại.

Trên phương diện nghệ thuật trần thuật, Vũ Trinh sử dụng cả mô hình người kể chuyện ngôi thứ nhất – xưng “tôi”, “ta” và ngôi thứ ba – vô nhân xưng theo cách thức truyền thống của truyện kì trung đại. Đối với ngôi thứ nhất, tác giả thường vẫn trong vai

người kể chuyện khách quan như ngôi thứ ba, không tham gia vào diễn biến câu chuyện, chỉ lộ diện với vai trò kiểm chứng sự chân thật của nó ở đầu hoặc cuối truyện. Phương thức này thể hiện ở truyện *Hiệp hổ*, *Linh xà*. Truyện *Hiệp hổ* kể các sự kiện, tình tiết từ đầu như một người kể chuyện khách quan, đến cuối cùng mới xuất hiện, xưng “tôi” và nhấn mạnh thời gian xảy ra câu chuyện là “năm Canh Tuất” và “em họ tôi là Trần Danh Lưu đi Lạng Sơn được nghe kể lại”. Ngược lại, truyện *Linh xà* lại xuất hiện ngay từ đầu, xác thực thời gian là “năm Giáp thân niên hiệu Cảnh Hưng”, ghi thông tin cụ thể: “ông ngoại tôi là cụ Trần Trung Lượng làm tham chính Thanh Hóa”, sau đó mới đi vào kể các sự kiện, tình tiết đầy kì ảo xảy ra đối với viên thuộc lại của ông ngoại. Ngôi thứ ba, điểm nhìn “toàn tri” lại càng phát huy được tính chất khách quan của câu chuyện được kể, thể hiện trong các truyện *Nghĩa hổ*, *Nhân hổ*, *Hùng hổ giao đấu*. Bằng cách này, Vũ Trinh đã tái hiện lại những điều “thị, phi, thường, quái” rất tự nhiên trong một kết cấu cốt truyện gọn gàng, ít sự kiện, tình tiết nhưng vẫn chuyên chở được toàn vẹn bài học giáo huấn. Chúng tôi mô tả vắn tắt cốt truyện của từng truyện trong bảng sau:

STT	Tên truyện	Mô tả cốt truyện
1	<i>Nghĩa hổ</i>	Truyện thứ nhất: bà đỡ Trần bị một con hổ đến tận nhà xông vào rừng → ở rừng bà đỡ đẻ cho hổ cái → hổ đền ơn và đưa bà trở về nhà. Truyện thứ hai: bác tiểu phu cứu con hổ bị hóc xương → nó mang một con nai đến tận cửa nhà đền ơn bác → bác mất, nó thể hiện niềm tiếc thương, sau đó đều đặn mang thú rừng đến vào trước ngày giỗ bác.
2	<i>Nhân hổ</i>	Con hổ bị nhốt chuẩn bị cho buổi tế lễ ở Phủ Chúa → có người bung lễ đến đặt trước con hổ khóc và làm lễ lay hổ → mọi người hỏi ra mới biết anh là người gánh hàng rong, từng được con hổ đó bảo vệ suốt một đêm trong rừng.
3	<i>Hiệp hổ</i>	Anh nông dân họ Hoàng lấy vợ cùng làng được mấy năm thì vợ chết → anh mê một chị góa chồng nhưng vì chị ta ghét trẻ con nên anh ta mang con bỏ vào rừng → hổ cứu đứa trẻ mang về cho bà ngoại nó và nhận lễ tạ ơn → việc giết con bại lộ → gã họ Hoàng bị quan bắt nhưng hấn lo lót thoát được tội → Hổ bắt hấn mang vào rừng xé xác.

4	<i>Hùng hổ đấu</i>	Người dân miền núi ngủ đêm ở rừng → nửa đêm tỉnh dậy thấy gấu hổ ngồi sưởi ở đông lửa liền lấy than dí vào người hổ → hai con cắn xé nhau đến chết.
5	<i>Linh xà</i>	Viên thuốc lại đi làm nhiệm vụ, bị thần rắn nằm chắn đường liền rút kiếm ra dọa khiến thần rắn bỏ chạy → đến đêm anh đang ngủ nhờ ở miếu thì nghe thấy thần rắn quay lại lên tiếng đòi giết mình → thần miếu cất lời khuyên nhủ, thần rắn bỏ đi → xong việc quan, anh quay lại tạ ơn thần miếu.

Nhìn vào bảng trên ta thấy, cốt truyện các thiên đều ở dạng đơn tuyến, được xây dựng ngắn gọn, mạch lạc, ít sự kiện, tình tiết, diễn tiến truyện nhanh, sắp xếp đầy chủ ý. 4/5 truyện (gồm *Nghĩa hổ*, *Hiệp hổ*, *Hùng hổ đấu*, *Linh xà*) đi theo trật tự thời gian tuyến tính, sự việc xảy ra trước kể trước, sự việc xảy ra sau kể sau, riêng truyện *Nhân hổ* đảo trật tự, tạo nên sức cuốn hút nhờ câu chuyện bí ẩn cần được giải đáp. Tất cả đều được sắp đặt một cách chặt chẽ, khéo léo. Đặc biệt, truyện *Hiệp hổ* cho thấy sự dụng công rất nhiều khi xây dựng cốt truyện có đầy đủ năm thành phần theo lí luận hiện đại, đó là: trình bày, khai đoan (thắt nút), phát triển, đỉnh điểm (cao trào) và kết thúc (mở nút). Mở đầu, tác giả “trình bày” về nhân vật “nông dân họ Hoàng, làm nhà trên quả đồi nhỏ, lấy người cùng làng là chị họ Nguyễn. Được mấy năm chị vợ ốm chết, để lại một đứa con trai cho bà ngoại nuôi”. Phần “khai đoan” đóng vai trò “đánh dấu sự kiện đầu mỗi mở ra xung đột” [1, tr.133], tương ứng với sự kiện anh họ Hoàng thích người đàn bà góa làng bên, qua bà mối anh biết cô ta không ưa trẻ con. Thành phần “phát triển” của cốt truyện được triển khai bằng sự kiện bao gồm hàng loạt tình tiết: anh ta tính toán rồi đưa đứa con vào rừng cho hổ ăn thịt, sau đó anh ta đắp một ngôi mộ giả cho đứa trẻ; đứa trẻ được hổ cứu, đưa về nhà cho bà ngoại, hổ nhận sự đền ơn của bà. Cốt truyện lên tới đỉnh điểm bằng sự kiện bao gồm nhiều tình tiết: bà ngoại đến hỏi con rể “cháu ở đâu”, Hoàng dẫn bà ra ngôi mộ giả, bà “sai đà lên thì không thấy gì”; bà lừa Hoàng về nhà, hấn thấy con vẫn chơi ở cửa, hấn hoảng sợ bỏ chạy; bà trình lên quan, người xung quanh ghét hấn bạc ác nên dò tung tích và bắt hấn giải lên quan; hấn lo lót nhiều nên chỉ bị đánh và được thả ra. Truyện kết thúc bằng sự kiện Hoàng được tha, “chập tối, về đến cổng thôn” thì bị con hổ lao ra ngoạm lấy, tha đi, người trong thôn nghe tiếng kêu, “đốt đuốc truy tìm”, đến chỗ cách thôn chừng một dặm thì thấy “xác Hoàng bị xé nát vứt ở đó”, người dân nhìn xa, thấy “ánh mắt hổ sáng như ngọn đuốc, ung dung chạy vào rừng”. Ở thời trung đại, không phải truyện ngắn nào cũng đầy đủ các thành phần cốt truyện như trên, điều đó chứng tỏ, trong nghệ thuật tự sự, Vũ Trinh đã đạt tới độ chín muồi. Hơn thế nữa, thành phần lời bình nằm ngoài cốt truyện, vốn xuất hiện như một đặc trưng của thể loại truyện kì và truyện ngụ ngôn cũng

được ông sử dụng triệt để công năng làm phát ngôn cho tư tưởng, quan niệm cũng như dụng ý xây dựng cốt truyện. Ở đây, ông không chỉ ước nhân gian có thêm vài nghìn vị chúa sơn lâm để diệt trừ chuyện bất nhân, còn bàn luận thêm về hệ thống tình tiết: “Khi Hoàng đem con vào rừng, có phải hổ không giết luôn được nó đâu, mà để lại nhiều tình tiết nữa cho câu chuyện loan truyền khắp thôn xóm, để quan trên thấy rõ tội ác xấu xa của nó. Như thế chúa sơn lâm cũng thực có tâm vậy”. Xây dựng cốt truyện ngắn gọn, mạch lạc, hấp dẫn, một đôi truyện có chêm thêm lời bình là cách Vũ Trinh vừa chặt lọc, lại vừa khơi sâu, khiến bài học giáo huấn đạt được hiệu quả răn dạy rõ rệt.

Việc trần thuật bằng ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba đều đặt điểm nhìn bên ngoài, giấu mặt và “biết tuốt” khá thuận tiện khi xây dựng thế giới nhân vật phục vụ mục đích giáo huấn. Từ đây, tác giả toàn quyền dẫn dắt người đọc đi theo ý đồ nghệ thuật của mình, cho người đọc thấy được những điều dễ thấy và suy đến được những điều “ngụ ý”, thông qua tính chất nhân vật ẩn dụ mà phương thức ngụ ngôn hay sử dụng. Vũ Trinh xây dựng thế giới loài vật trong mối quan hệ với con người và chúng luôn là cặp đôi tạo cơ chế phúng dụ rõ nét. Có khi là sự tương đồng trong đạo đức, luân lí như: *Nghĩa hổ*, *Nhân hổ* (loài vật và con người cùng tương hổ nhau để thực hiện việc tốt), có khi là sự đối lập như: *Hiệp hổ*, *Linh xà*, *Hùng hổ đấu* (loài vật và người đối lập tốt – xấu, cao quý – thấp hèn, ngu ngốc – thông minh,...). Cặp đôi tuyến nhân vật này có vai trò quan trọng trong việc biểu hiện ý nghĩa bề sâu của tác phẩm, không chỉ làm nổi bật bài học giáo huấn mà còn thể hiện quan điểm, thái độ của tác giả. Về nhân vật là loài vật, Vũ Trinh lựa chọn loài hổ, chiếm tỉ lệ 4/5 truyện. Đây là nhân vật xuất hiện nhiều trong ngụ ngôn dân gian, như: *Làm ơn mắc oán*, *Trí khôn của ta đây*, *Hữu dũng vô mưu*,... song nếu ở truyện dân gian, hầu hết hổ thường mang bản chất đặc tính hung dữ, độc ác, hay ăn thịt và thường mắc mưu con người dẫn đến bị chết hoặc thiệt hại, thì truyện của Vũ Trinh chỉ có *Hùng hổ giao đấu* còn giữ nguyên tính chất đó, các truyện còn lại hổ đều là đại diện của nhân nghĩa, hào hiệp, lẽ phải, công bằng. Bản thân ông nhấn mạnh trong lời bình truyện *Hiệp hổ* rằng: “Tất cả những loài có lông có huyết đều có tình người”, điều đó cho thấy, nhân vật hổ trở thành một hình tượng tiêu biểu, được Vũ Trinh xây dựng như một tấm gương giáo huấn đặc biệt.

Xây dựng nhân vật hổ, Vũ Trinh chú ý những đặc điểm giống loài tương tự như truyện ngụ ngôn dân gian. Ngoại hình của nó gây ấn tượng về sự to lớn, dữ tợn của vị “chúa sơn lâm”: “con hổ trán trắng to bằng con trâu,... miệng như cái hang” (*Nghĩa hổ*), “lông vàng, vằn đen, trán và hai vai đều có dấu ấn trắng to bằng bàn tay” (*Nhân hổ*), “ánh mắt hổ sáng như ngọn đuốc” (*Hiệp hổ*), “con hổ to như con trâu, nước dãi tuôn ra hàng đũa” (*Hùng hổ đấu*). Hành vi của nó cũng được miêu tả đầy sức mạnh, song ẩn đằng sau đó là nhân tính tốt đẹp. Truyện *Nghĩa hổ* có hổ đực biết “cầm tay” bà đỡ họ Trần, “nhìn

hồ cái trào nước mắt”, biết đào cục bạc trắng đền ơn ân nhân, chia tay bà thì tỏ vẻ đầy lưu luyến; Con hồ được bác tiểu phu cứu thoát biết đền ơn bằng cách bắt nai mang đến, khi bác mất, nó tiếc thương “vật vĩa”, sau đó lại đều đặn mang dê, lợn đến cửa nhà bác vào trước mỗi ngày giỗ. Con hồ trong *Hiệp hồ* cứu đứa trẻ bị bỏ dẽ bỏ vào rừng, đến nhà bà ngoại, nó biết gõ cửa báo tin, biết nhận quà bà đền ơn cho nó. Khi người bố bắt nhân bị quan bắt mà vẫn lo lót được để thoát tội, nó thể hiện thái độ bất bình bằng cách rình trong bụi rậm, chờ hấn đi quan thì “gầm lên, lao ra ngoạm lấy hấn tha đi”. Hồ trong *Nhân hổ* khi bị bắt làm vật tế lễ, gặp lại người từng được nó cứu, người đó hỏi, nó đã “ưa nước mắt, rồi gật đầu hai lần”. Như vậy có thể thấy, nếu tác giả dân gian sử dụng đặc tính hung dữ của loài hồ trong đối sánh với con người để làm nổi bật sự thông minh, nhanh trí và thể thống của con người, thì Vũ Trinh lại dùng nó để đề cao những đức tính tốt, muốn con người lấy đó làm gương, đồng thời cũng thể hiện khát vọng sức mạnh tiêu diệt kẻ ác và quyền năng sắp đặt lại trật tự xã hội. Việc tận dụng đặc tính loài vật phục vụ cho mục đích giáo huấn cũng được thể hiện rõ trong truyện *Linh xà*. Không phải ngẫu nhiên những tính cách xấu xa lại được tác giả thể hiện qua hình tượng rắn. Trong thực tế, rắn là loài có độc, hay được đánh đồng với những gì đáng sợ, độc địa, con rắn thần trong truyện cũng vậy, nó vừa ngang ngược, cao ngạo, lại vừa hèn nhát, nhỏ mọn. Lột tả rõ bản chất của rắn để rồi xây dựng chi tiết nó nghe được lời khuyên chí lý về đạo làm người mà biết buông bỏ điều ác, tác giả đã thể hiện sắc nét bài học đạo đức mà ông muốn răn dạy.

Với ngôi kể thứ nhất hay thứ ba đều là kiểu trần thuật có điểm nhìn “toàn tri”, người kể chuyện trong tác phẩm của Vũ Trinh mang đặc trưng đúng như Đỗ Thị Mỹ Phương nhấn mạnh, đó là nó “được xác định với hai giới hạn quyền năng: người biết hết, thông hiểu mọi sự; người chiếm lĩnh đối tượng qua các thông số ngoại hiện như ngoại hình, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, bối cảnh và các sự kiện diễn ra nhưng chưa chạm tới chiều sâu những biến động trong đời sống nội tâm con người” [5, tr.32]. Ở *Lan Trì kiến văn lục*, các nhân vật đều được xây dựng với tính chất “ngoại hiện” như thế. Điều này vốn là đặc điểm chung của nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện truyền kì Việt Nam trung đại nói chung, rất hiếm truyện đạt đến độ miêu tả thế giới nội tâm nhân vật. Nếu có biểu đạt những suy nghĩ thì đều “ngoại hiện” bằng điểm nhìn của người trần thuật, thậm chí có khi còn đóng vai trò là phát ngôn viên cho tác giả như nhân vật thần miếu trong truyện *Linh xà*: “Rồng trắng đội lột cá, còn bị đem bán. Vả lại, lúc ấy, hấn chỉ biết anh là rắn thôi, hấn lại đang có việc quan, việc gì anh lại chắn đường nó đi để đến nỗi chuốc oán chịu nhục, đó là lỗi tại anh, lại còn định đuổi theo làm hại nó, sao anh nhỏ nhen thế. Anh hãy mau trở về đi, cứ làm liều thế này, phép trời đáng sợ lắm”. Bằng cách này, bài học giáo huấn được phát biểu trực diện, thẳng thắn, không giấu dờ.

Nhìn chung, nghệ thuật tự sự của Vũ Trinh ở phương diện nào cũng là một sự đặc địa, thể hiện xuất sắc vai trò làm rõ tính chất ngụ ngôn của truyện, khiến bài học giáo huấn trở nên hấp dẫn, dễ nhận diện và tiếp thu.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói, viết truyện để răn dạy con người học tập theo điều hay, lẽ phải, lên án và tránh xa cái xấu là mục đích nghệ thuật rõ rệt của Vũ Trinh. Chúng tôi gọi đó là kiểu truyện giáo huấn, bởi nó có chung đặc điểm với những sáng tác nằm trong các tập truyện truyền kì Việt Nam trung đại, đồng thời cũng mang tính chất ngụ ngôn rõ nét. Ở đó, nội dung là các bài học luân lí, đạo đức,... nghệ thuật lấy nòng cốt là cơ chế phóng dụ, sử dụng ngôi kể thứ nhất và thứ ba – điểm nhìn “toàn tri”, kết hợp hợp lí yếu tố “kì – thực”, xây dựng cốt truyện ngắn gọn, khúc chiết, nhân vật là cặp đôi loài vật – con người tạo cơ chế phóng dụ rõ rệt,... Tất cả tạo nên một kiểu truyện có đặc điểm riêng, hấp dẫn.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí phát triển Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho đề tài mã số: SV.2024.HPU2.24

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (1998), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (TB).
2. Nguyễn Việt Hùng (2021), *Ngụ ngôn như một phương thức biểu đạt – Nghiên cứu trường hợp Quốc văn giáo khoa thư*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 9, tr.64–73.
3. Nguyễn Xuân Kính (2003), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Tập 10, Nxb Khoa học Xã hội.
4. Nguyễn Đăng Na (2001), *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại – Những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nxb Giáo dục.
5. Đỗ Thị Mỹ Phương (2018), *Người kể chuyện trong truyện truyền kì trung đại Việt Nam*, Tạp chí khoa học – Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh, tập 15, số 2.
6. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2014), *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
7. Vũ Trinh (2004), *Lan Trì kiến văn lục* (Hoàng Văn Lâu dịch), Nxb Thuận Hóa – Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

CHARACTERISTICS OF THE DIDACTIC NARRATIVE TYPE IN VŨ TRINH'S
LAN TRÌ KIẾN VĂN LỤC

*Nguyen Thi Viet Hang, Do Linh Chi, Nguyen Phuong Anh,
Duong Thi Thu Hien, Nguyen Minh Quang, Do Thi Huong Tra*

Abstract: *This research presents the theory of the didactic narrative type in relation to the allegory method, particularly focusing on the allegorical narrative genre in literature. Based on this, we proceed to survey and identify stories with the purpose of imparting moral, ethical, character, and behavioral lessons in Vũ Trinh's Lan Trì Kiến Văn Lục. We analyze and highlight the fundamental characteristics of these stories in terms of both content and artistic approach.*

Keywords: *didactic, allegory, fairy tales, Lan Trì Kiến Văn Lục, Vũ Trinh*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-3-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-4-2025;
ngày chấp nhận đăng: 06-5-2025)*